CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Nhiệt điện Phả Lại

Ngày 30/09/2025	10,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**-5.3%**	**-7.8%**

DT thuần *Q3/25*
1,497 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼443| -22.8%
YoY: ▲ 32.0| 2.2%

LN thuần *Q3/25*
-25.2 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼31.5| -502%
YoY: ▲ 19.1| 43.2%

LN sau thuế *Q3/25*
-14.3 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼20.4| -335%
YoY: ▼8.99| -169%

Tỷ suất lãi EBIT *Q3/25*
-1.7%
YoY: +/-▼ 2.0%

ROE (TTM) *Q3/25*
4.9%
YoY: +/-▼ 0.2%

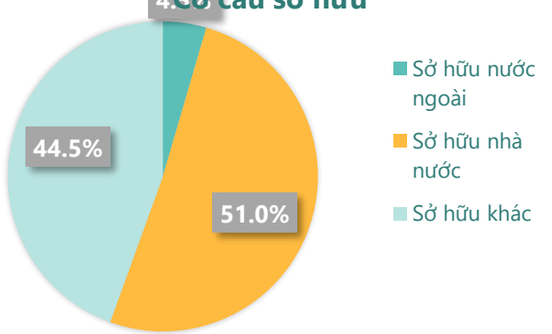
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,550 - 12,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,431
Số lượng CPLH (CP)	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	417,630
Sở hữu nước ngoài	4.5%
Beta	0.49
EPS	693
P/E	15.4

DT thuần *9T 2025*
4,973 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼958| -16.1%

LN thuần *9T 2025*
46.7 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼180| -79.4%

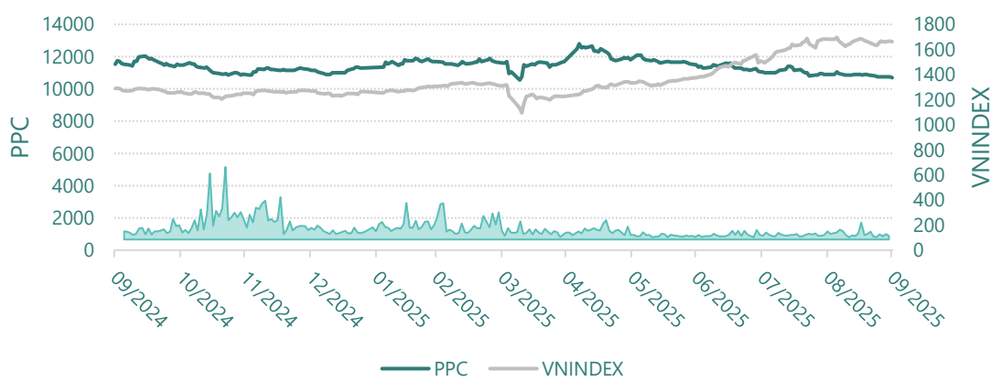
LN sau thuế *9T 2025*
44.1 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼202| -82.1%

Cơ cấu sở hữu

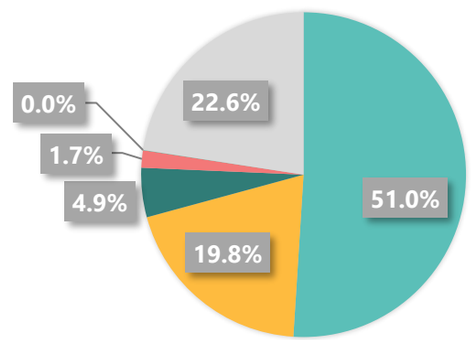


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

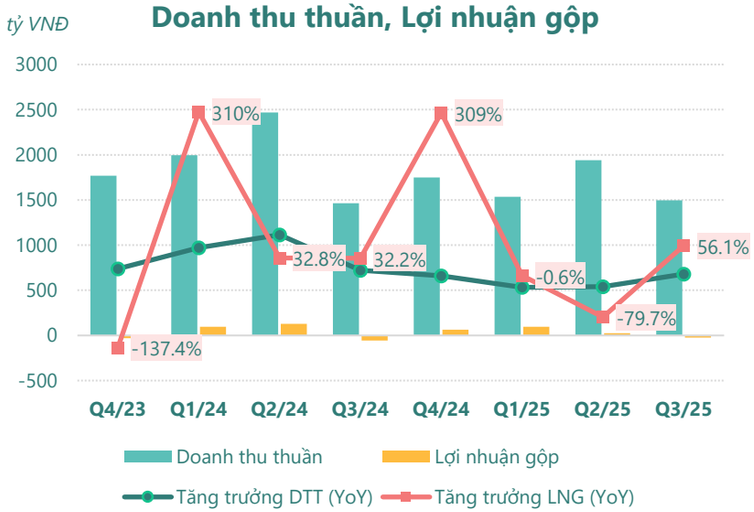


- Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP
- Công ty TNHH Năng lượng REE
- Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity
- CTCP Nhiệt điện Phả Lại
- Phạm Văn Thư
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

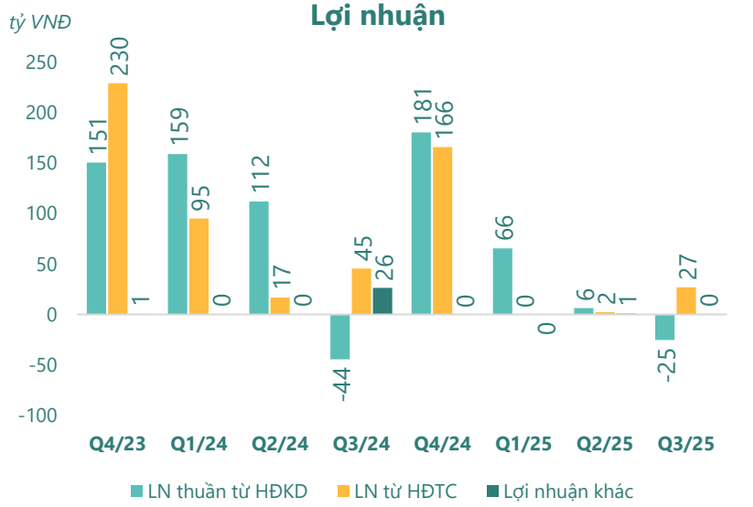
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



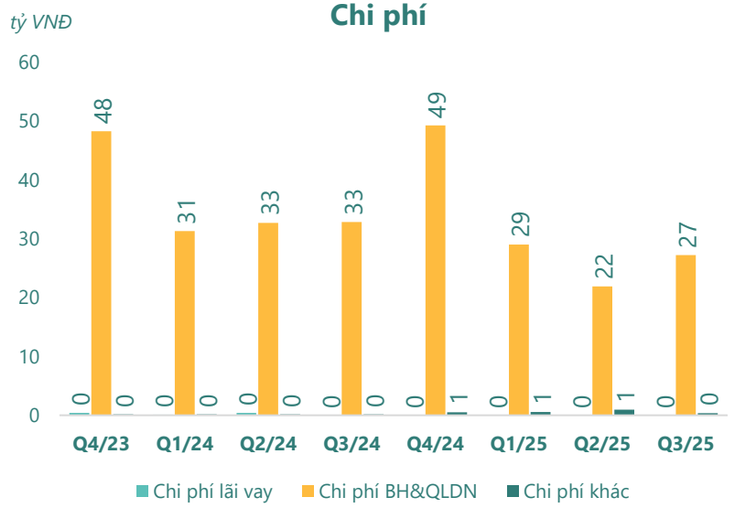
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



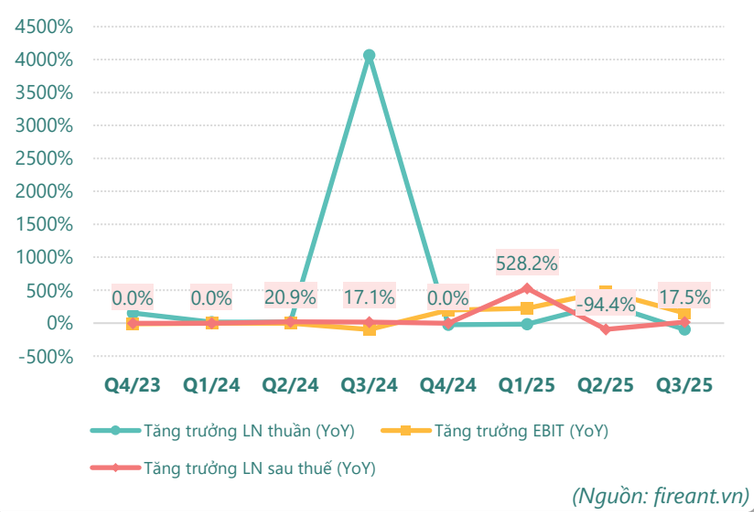
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



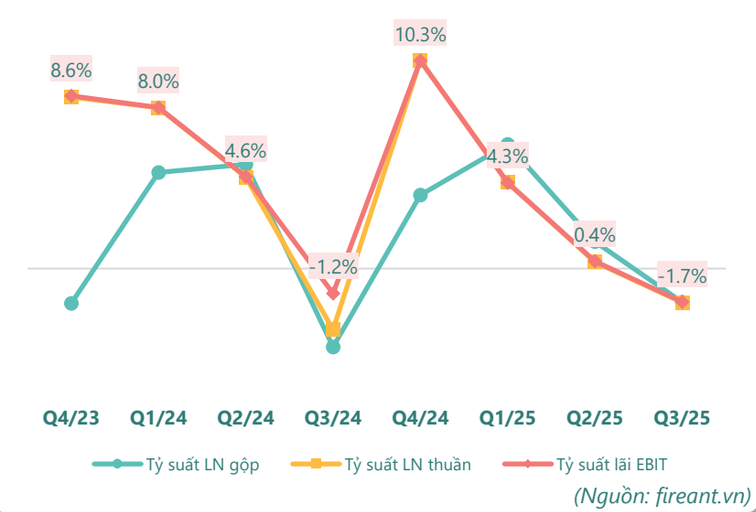
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



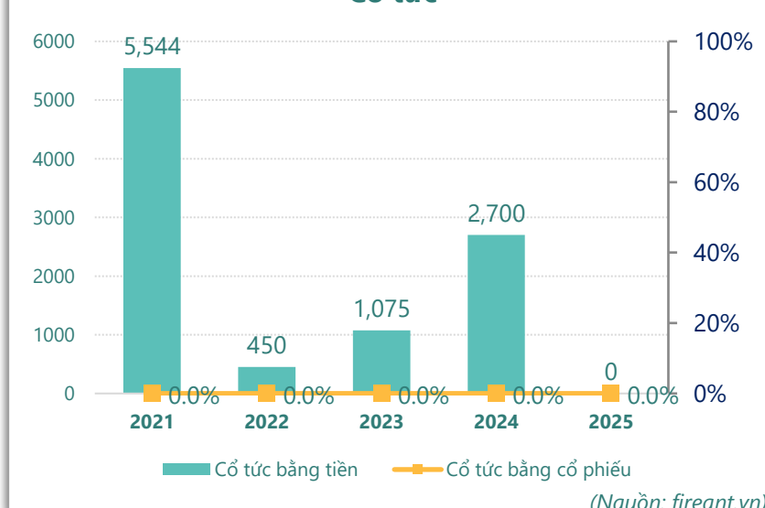
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

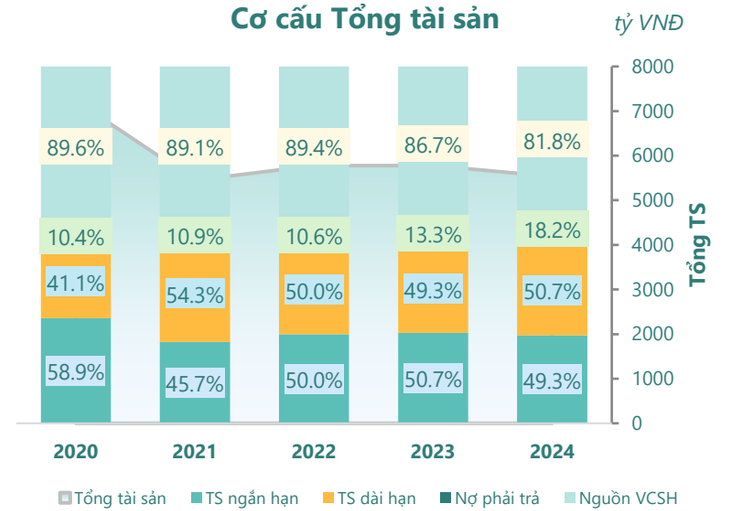
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

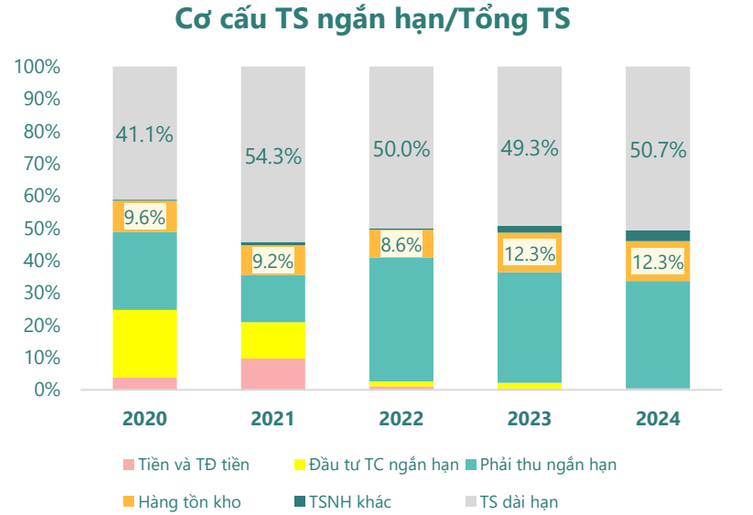
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



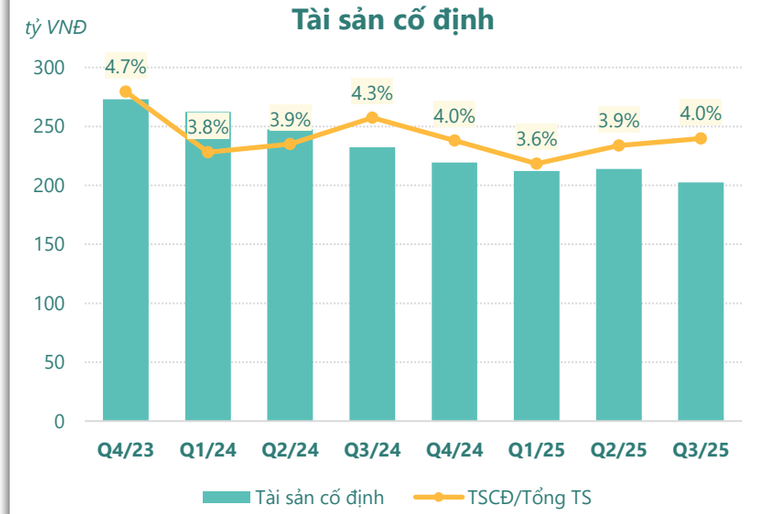
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



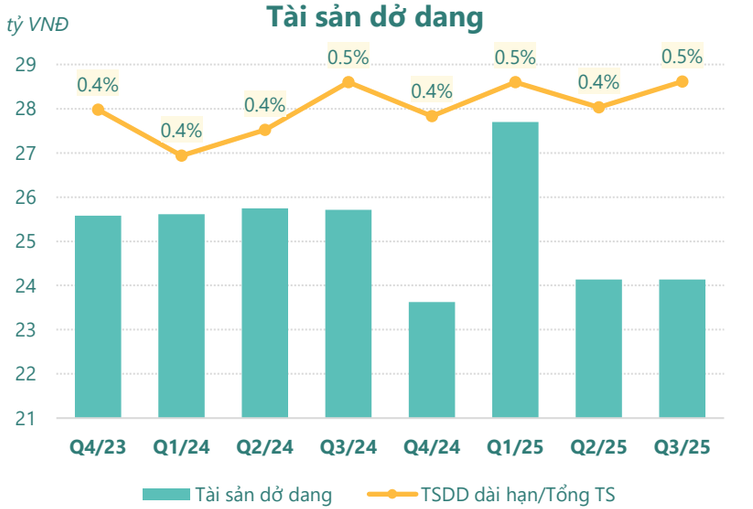
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



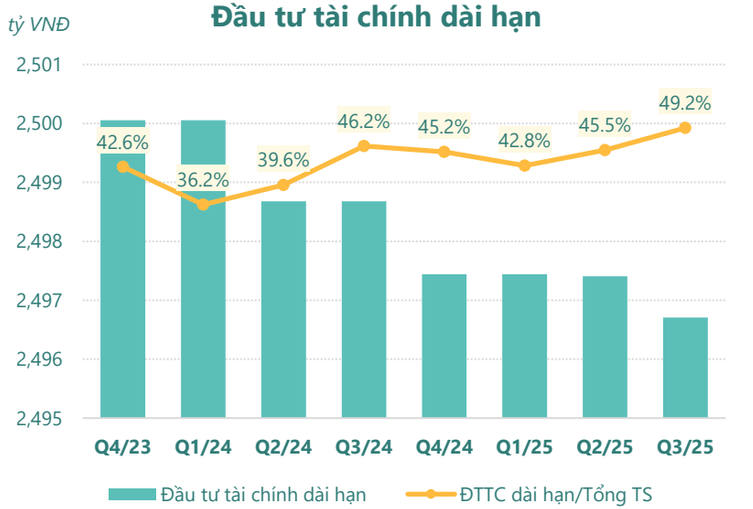
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



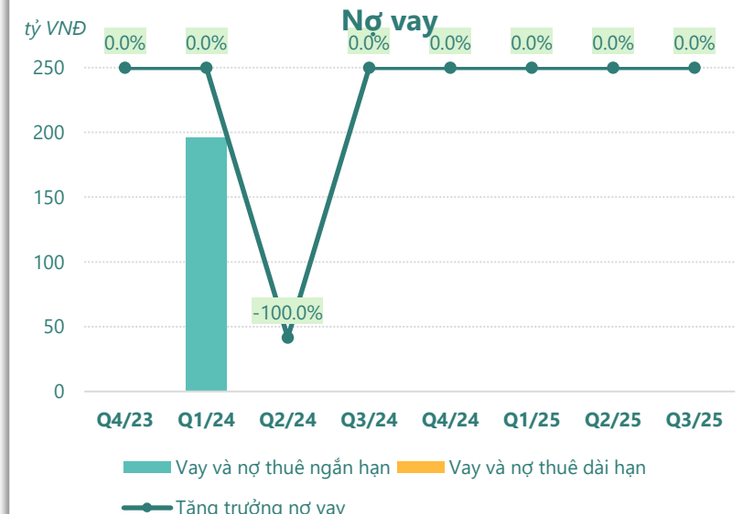
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

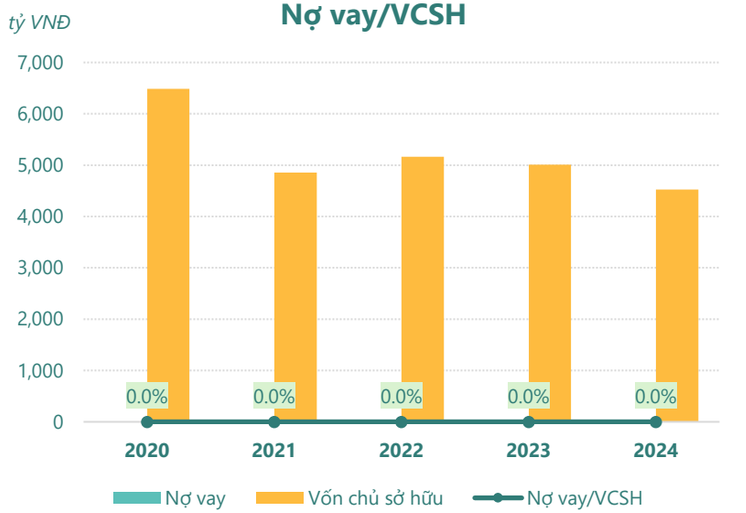
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

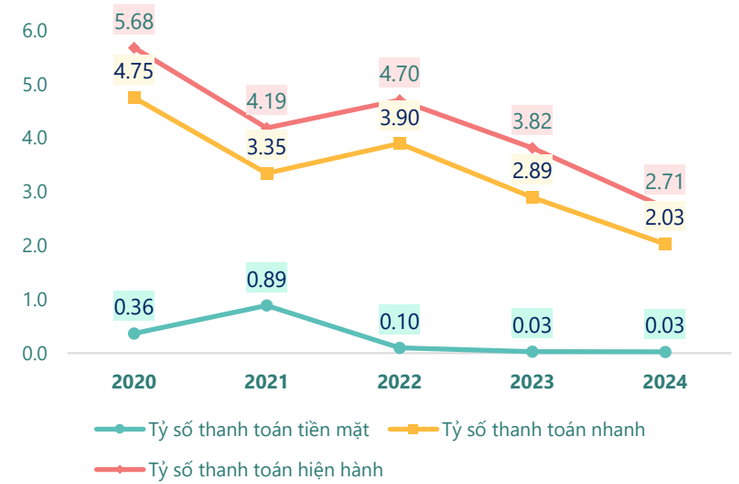
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



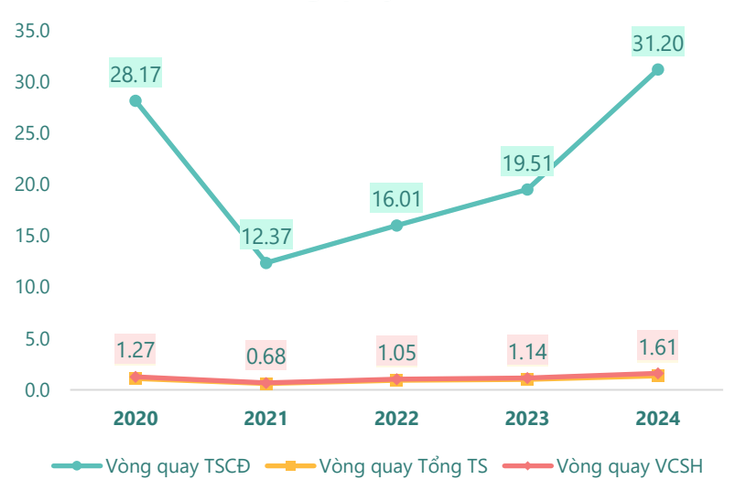
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



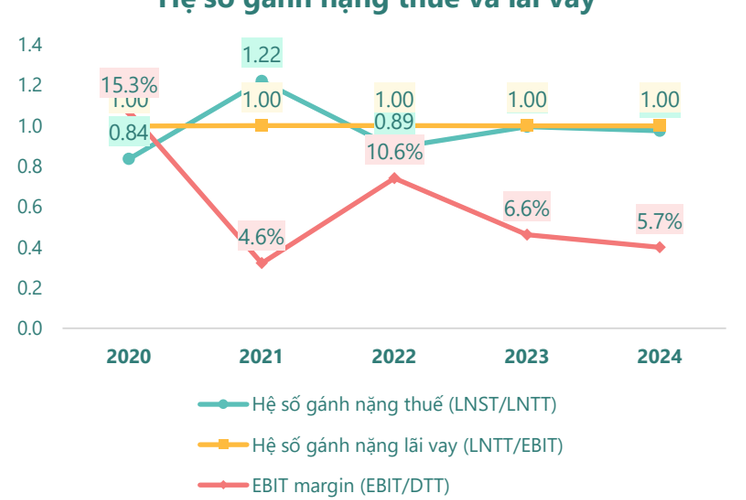
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



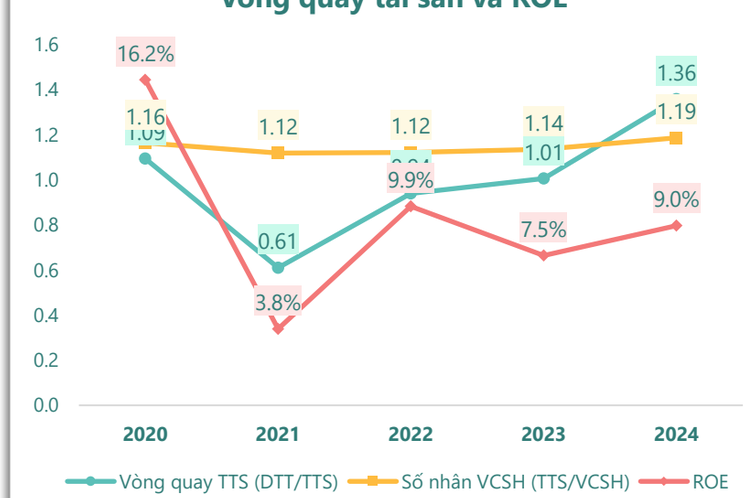
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



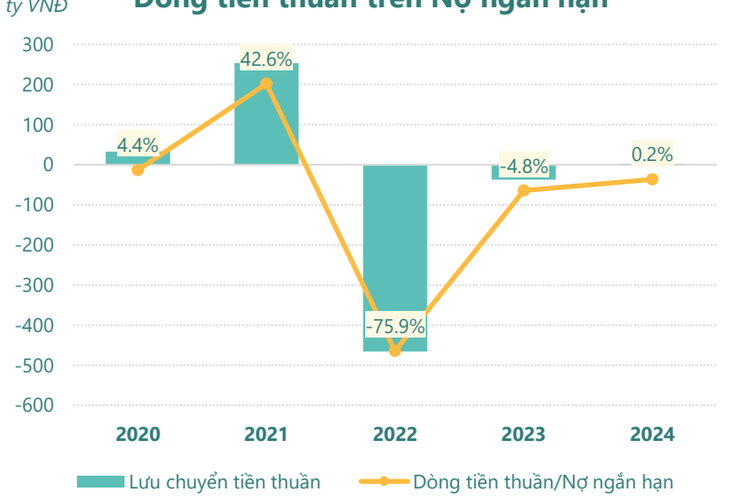
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,497**	**1,465**	**2.2%**	**4,973**	**5,931**	**-16.1%**
Giá vốn hàng bán	1,522	1,522	0.0%	4,877	5,765	-15.4%
Lợi nhuận gộp	-25.0	-56.9	56.1%	95.6	166	-42.5%
Doanh thu HĐTC	27.8	45.5	-39.0%	30.1	159	-81.1%
Chi phí TC	0.70	0.01	6935%	0.75	1.87	-60.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.48	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**27.2**	**32.9**	**-17.2%**	**78.2**	**96.9**	**-19.3%**
LN thuần từ HĐKD	-25.2	-44.3	43.2%	46.7	227	-79.4%
Lợi nhuận khác	**0.42**	**26.4**	**-98.4%**	**1.08**	**26.9**	**-96.0%**
LN trước thuế	-24.7	-18.0	-37.4%	47.8	254	-81.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-14.3**	**-5.31**	**-169%**	**44.1**	**246**	**-82.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-14.3**	**-5.31**	**-169%**	**44.1**	**246**	**-82.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	352	335	174	-49.4	6.78	19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	108	46.9	38.7	95.1	5.92	38.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-502	-383	-200	-64.1	0	0
Tiền đầu kỳ	55.1	13.7	12.8	25.5	7.02	19.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-41.4**	**-0.90**	**12.7**	**-18.4**	**12.7**	**57.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.7	12.8	25.5	7.02	19.7	77.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,070**	**5,534**	**-8.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,312	2,730	-15.3%
Tiền và tương đương tiền	77.6	25.5	205%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	
Phải thu ngắn hạn	1,232	1,838	-33.0%
Hàng tồn kho	726	682	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	271	185	46.6%
Tài sản dài hạn	**2,759**	**2,803**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	203	219	-7.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.1	25.9	-7.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,497	2,497	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**35.5**	**60.5**	**-41.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	565	1,009	-44.0%
Nợ ngắn hạn	**565**	**1,009**	**-44.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	395	799	-50.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,506**	**4,524**	**-0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**4,506**	**4,524**	**-0.4%**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)